

# THỬ NGHIỆM PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT TRONG DẠY LÀM VĂN Ở TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CÔN, TIỀN GIANG

HUỠNH THANH HOÀNG\*, NGUYỄN THỊ HỒNG NAM\*\*

## TÓM TẮT

*Bài viết này trình bày một phần kết quả thử nghiệm của việc sử dụng phương pháp quan sát (observational learning) trong dạy Làm văn ở Trường THPT Nguyễn Văn Côn, Gò Công Đông, Tiền Giang. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tác động của phương pháp này đối với việc nắm vững kiến thức về cách tạo lập văn bản, nâng cao kỹ năng tạo lập văn bản của học sinh.*

## ABSTRACT

***Experimenting the method of observation in teaching writing essays at Nguyen Van Con secondary high school in Tien Giang province***

*This paper is about part of experimental results on application of the observational method to teach writing essays at Nguyen Van Con Secondary High Schools, Go Cong Dong, Tien Giang Province. The findings show that the effects of this teaching method on students' acquisition of essay-writing knowledge and skills are positive.*

### 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, môn Làm văn ở các trường phổ thông (PT), thường được dạy theo kiểu: giáo viên (GV) trình bày lý thuyết, sau đó, học sinh (HS) thực hành viết bài, GV nhận xét và đánh giá bài viết của HS. Với cách dạy này, HS phải thực hiện *hai hoạt động trong cùng một thời điểm: viết bài và học cách viết*. Hệ quả là HS rất khó nhận ra những sai sót của mình trong quá trình viết, kỹ năng viết kém, không hứng thú với hoạt động viết. Năm 2007, chúng tôi được tham dự lớp tập huấn “Dạy kỹ năng viết cho HS” do GS Gert Rijlaarsdam, Đại học Amsterdam (Hà Lan), một chuyên gia hàng đầu về dạy

viết tiếng mẹ đẻ (writing teaching in mother tongue) của châu Âu chủ trì. Trong hội thảo này, lần đầu tiên chúng tôi được tiếp xúc với phương pháp quan sát (PPQS) trong dạy viết. Nhận thấy phương pháp này có nhiều ưu điểm trong việc tăng cường khả năng viết của HS, chúng tôi đã đi sâu tìm hiểu vấn đề này và thử nghiệm sử dụng PPQS trong dạy Làm văn ở một trường PT.

### 2. Tổng quan tài liệu

Cho đến thời điểm thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi chưa tìm thấy một công trình nào của các nhà nghiên cứu Việt Nam về PPQS trong dạy Làm văn, ngoài một vài tài liệu rất ít ỏi viết về “kỹ thuật bẻ cá” trong dạy học mà theo chúng tôi chính là tên gọi khác của PPQS. Phạm Viết Vượng (2008) coi “bẻ cá” là một trong những kỹ thuật của PP thảo luận

\* ThS, Trường THPT Nguyễn Văn Côn, Gò Công Đông, Tiền Giang

\*\* TS, Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ

nhóm: “Cho một nhóm thảo luận, một nhóm quan sát (QS), sau đó, thay đổi vị trí hai nhóm. Hai nhóm tiếp sức nhau thảo luận – gọi là nhóm “bể cá” [6, tr. 188]. Nguyễn Văn Cường – Bernd Meier (2007) nêu một số kỹ thuật dạy học tích cực như “động não”, “XYZ”; “tia chớp”; “bể cá”; “3 lần 3”; “ô bi”;... Về kỹ thuật “bể cá”, nhóm tác giả cho rằng đây “là kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm HS ngồi trước lớp hoặc giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận. Gọi đây là PP thảo luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể QS những người thảo luận tương tự như xem những con cá bơi trong một bể cá. Trong quá trình thảo luận, những người QS và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò cho nhau” [1, tr. 119].

Các nhà nghiên cứu của ĐH Amsterdam (Hà Lan) như GS Rijlaarsdam G, Couzijn M.J, Braaksma M.A.H... là những chuyên gia nổi tiếng về sử dụng PPQS trong dạy Viết (Làm văn). Couzijn M. (1995) định nghĩa học bằng cách QS là “*hoạt động học tập chủ yếu được thực hiện trong các môi trường mà ở đó người học học tập từ các đối tượng làm mẫu. Việc học bằng QS chỉ xảy ra khi người QS thể hiện các hành vi mới mà trước khi được xem thực hiện mẫu hầu như các hành vi đó không có khả năng diễn ra, thậm chí dù cho GV sử dụng bất cứ biện pháp nào để kích thích động cơ học tập của HS*” [7, tr. 74]. Với PP này, người học không thực hiện cùng một lúc hai hoạt động viết và học cách viết, mà chỉ tập trung QS các tiến trình

viết và sản phẩm bài viết của người làm mẫu để học cách viết. Nỗ lực nhận thức của người học chuyển từ *nhiệm vụ tạo lập văn bản sang nhiệm vụ học cách viết* thông qua hoạt động QS triển khai viết.

Việc dạy học viết bằng PPQS được Couzijn M & Rijlaarsdam G [7] tiến hành qua các bước:

- Bước 1: GV cung cấp một ít lý thuyết về cách tạo lập văn bản cho nhóm đóng vai trò làm mẫu/nhóm viết (NV).

- Bước 2: Nhóm làm mẫu thảo luận cách viết và viết bài theo đề tài GV đã cho. Trong khi đó, nhóm quan sát (NQS) QS nhóm làm mẫu về cách viết, bài viết.

- Bước 3: NQS nêu những nhận xét, đánh giá về hoạt động viết và sản phẩm của NV. NV trao đổi, làm rõ vấn đề với NQS.

- Bước 4: GV giao một đề bài khác để hai nhóm cùng viết.

Qua các giai đoạn trên, kinh nghiệm của nhóm làm mẫu được chuyển giao có phê phán, đánh giá cho NQS.

Để thực hiện PP này hiệu quả, cần đảm bảo các điều kiện sau:

- HS cần được chia thành 2 nhóm: NQS và nhóm làm mẫu, tức NV.

- NV đóng vai trò làm mẫu phải vừa viết vừa nói ra những ý tưởng của mình (think - aloud), trao đổi trong nhóm để giúp NQS có thể QS được quá trình tư duy của NV, từ đó NQS mới có thể đánh giá tiến trình viết và sản phẩm của NV.

Qua quá trình thực nghiệm, Couzijn M & Rijlaarsdam G. (2005) kết luận: NQS luôn viết tốt hơn nhóm làm mẫu. Lý do: khi thực hiện hoạt động QS, người QS phân tích, đánh giá công việc mà NV đang làm, sau đó vận dụng những kinh nghiệm có được trong quá trình QS vào

hoạt động viết của bản thân. Bằng cách này, người học sẽ tự bù lại cho mình những kỹ năng còn yếu. Hai ông cũng khẳng định học viết bằng PPQS sẽ giúp cho người học biết sửa và đánh giá bài viết của mình, biết tự viết lại bài dựa trên phản hồi, đề nghị của người khác, biết tự rút ra kết luận áp dụng cho việc thực hiện các nhiệm vụ viết [8, tr. 233]. Về vấn đề trình độ NV và NQS, Braaksma M.A.H (2002), một thành viên trong nhóm nghiên cứu của ĐH Amsterdam, chứng minh rằng mức độ hiệu quả của PP học bằng cách QS phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tuổi của người thực hiện mẫu, năng lực của người làm mẫu, số lượng người làm mẫu... Việc HS làm mẫu lẫn nhau được cho là tốt hơn là GV làm mẫu vì tạo ra cho HS-người QS cảm giác rằng các hành vi mình đang QS là khả thi, nếu bạn làm được, mình cũng sẽ làm được. Điều này có nghĩa là nếu NQS và NV có học lực tương đương nhau thì NQS sẽ học được cách viết nhiều hơn là khi nhóm HS có học lực yếu QS nhóm HS có học lực tốt hơn [6, tr. 34].

Các công trình của các nhà nghiên cứu trên khẳng định việc học viết bằng PPQS giúp cho HS đồng thời đạt được các mục tiêu: *tạo ra một bài viết tốt* đồng thời *học được cách viết* qua đó rèn được kỹ năng giám sát, điều chỉnh. Các nghiên cứu trên được thực hiện trong bối cảnh giáo dục châu Âu. Chúng tôi thực nghiệm Dạy làm văn bằng PPQS trong bối cảnh Việt Nam, hoàn toàn khác với giáo dục châu Âu về chương trình học, điều kiện học tập, đối tượng học.

### 3. Câu hỏi và phương pháp nghiên cứu

Câu hỏi chủ yếu mà chúng tôi cần

trả lời trong nghiên cứu này là: Việc sử dụng PPQS có làm tăng kiến thức về cách viết, kỹ năng viết của HS hay không? Từ đó, có nâng cao kết quả học tập của HS hay không?

Để trả lời câu hỏi trên, chúng tôi sử dụng PP thực nghiệm và thu thập các số liệu (sản phẩm viết trên lớp, viết lại ở nhà, bài viết theo phân phối chương trình của HS, những đoạn ghi âm HS thảo luận, các bài viết trước và sau thực nghiệm) để phân tích, so sánh nhằm kiểm chứng hiệu quả của PPQS. Bên cạnh đó, chúng tôi còn điều tra ý kiến của GV, HS về ưu, nhược điểm của PPQS. Các phiếu điều tra, điểm số kết quả các bài viết của HS được xử lý bằng phần mềm SPSS 11.5. Nghiên cứu này được thực hiện vào HK 2, NH 2007-2008 tại trường THPT Nguyễn Văn Côn, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Đối tượng thực nghiệm là 90 HS hai lớp 10<sub>5</sub> và 10<sub>12</sub>, hầu hết HS sinh năm 1992. Tài liệu dùng để thực nghiệm là các bài Làm văn trong SGK Ngữ văn 10 (chương trình cơ bản).

### 4. Quá trình thực nghiệm

#### 4.1. Lấy số liệu trước thực nghiệm

Chúng tôi chọn 2 lớp thực nghiệm (tn) 10<sub>5</sub> và 10<sub>12</sub> và một lớp đối chứng (đc) 10<sub>9</sub>. Trình độ của các lớp được đánh giá thông qua dự giờ và trao đổi với GV phụ trách môn học và kết quả các bài viết số 1, 2, 3 của học kỳ I. Qua đó, chúng tôi nhận thấy: HS lớp 10<sub>9</sub> và 10<sub>5</sub> có trình độ trung bình yếu, HS lớp 10<sub>12</sub> thuộc loại trung bình; sức học của HS trong các lớp không chênh lệch quá lớn, một số HS có điểm số không đều.

#### 4.2. Thực nghiệm

Chúng tôi thiết kế 13 giáo án với 3 cụm bài: lý thuyết (10 bài), luyện tập (3

bài) nhằm mục tiêu giúp HS khám phá lý thuyết và hình thành kỹ năng viết các kiểu văn bản. Các giáo án được thiết kế dựa trên các nguyên tắc: đảm bảo mục tiêu cần đạt của bài học, kiến thức được hình thành qua quá trình QS, thảo luận, đánh giá, cho HS thực hành kỹ năng viết (viết trên lớp và viết lại ở nhà), có bảng hướng dẫn cho các NQS và các NV.

Lớp tn1 có 44 HS, lớp tn2 có 46 HS đều được chia thành 8 nhóm, mỗi lớp có 4 cặp NV-NQS: cặp nhóm giỏi, khá, trung bình và cặp nhóm yếu kém. Mỗi cặp NV và NQS sẽ luân chuyển nhiệm vụ cho nhau trong từng bài học để đảm bảo cho mỗi HS được luân phiên rèn luyện các kỹ năng trong mỗi vai: viết, QS, đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá.

#### 4.2.1. Thực nghiệm cụm bài lý thuyết

Cụm bài này gồm các bài học: *Miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự, Các hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh, Lập dàn ý bài văn thuyết minh...* Mục tiêu của các bài học này là ôn luyện các kiến thức đã học ở THCS, hình thành kiến thức mới, rèn kỹ năng viết. Ví dụ: bài *Miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự* được thực hiện như sau:

- Chuẩn bị ở nhà: Các NV đọc trước bài học để nắm lý thuyết, GV xây dựng tiêu chí đánh giá bài viết.

- Tổ chức học trên lớp:  
+ Chia các cặp NQS và NV theo cùng trình độ (giỏi QS giỏi, khá QS khá...).

+ GV công bố tiêu chí đánh giá bài viết.

+ 4 NV: viết theo đề bài *Hãy viết đoạn văn (có yếu tố miêu tả và biểu cảm) kể về cuộc gặp gỡ giữa Trọng Thủy và Mị*

*Châu ở thủy phủ*. Trình bày kết quả trên poster.

+ 4 NQS: QS quá trình viết của NV về *cách viết, rút ra điều gì về cách sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm khi viết văn bản tự sự*. Sau đó trình bày kết quả QS trên poster.

- Tổ chức chia sẻ, đánh giá:

+ 4 NV trình bày sản phẩm.

+ 4 NQS trình bày các poster của nhóm.

+ GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, so sánh sản phẩm của các nhóm, chốt lại kiến thức.

#### 4.2.2. Thực nghiệm cụm bài luyện tập

Các bài học *Luyện tập viết đoạn văn tự sự, Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh* đều nhằm mục tiêu chính là giúp HS rèn kỹ năng lập dàn ý, biết cách viết một đoạn văn (phần thân bài). Sau đây là ví dụ về cách tiến hành bài *Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh*:

- Thao tác 1:

+ 4 NV: Lập dàn ý và viết 1 đoạn văn thuyết minh cho đề bài: *Vùng biển Tân Thành của quê hương Gò Công*. GV gợi ý: *đoạn ấy nằm ở vị trí nào trong bài văn? Câu chuyển đoạn cần được viết như thế nào để đoạn vừa viết có thể tiếp nối được với đoạn văn trước đó? Nhóm đã sắp xếp các ý trong đoạn theo thứ tự nào để đảm bảo tính chặt chẽ và mạch lạc? Nhóm đã sử dụng những PP thuyết minh nào và diễn đạt thế nào để đạt được sự chuẩn xác, sinh động, hấp dẫn?* Sau đó, các nhóm trình bày sản phẩm trên poster.

+ 4 NQS: QS quá trình lập dàn ý và viết đoạn của NV. HS được gợi ý QS: *cách lập dàn ý, cách viết đoạn của NV? Đoạn văn có câu chuyển đoạn hay không? Chủ đề của đoạn có được thể*

hiện rõ ràng và nhất quán không? Sử dụng các PP thuyết minh có hợp lý không? Các câu trong đoạn có liên kết với nhau không? Có đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc, chuẩn xác, sinh động, hấp dẫn không? Trình bày sản phẩm QS trên poster.

- Thao tác 2:
  - + 4 NV và 4 NQS treo các poster của nhóm.
  - + Cả lớp nhận xét sản phẩm nhóm nào tốt nhất.
  - + GV gợi mở, giúp HS rút ra cách viết đoạn trong văn bản thuyết minh.

### 4.3. Lấy số liệu sau thực nghiệm

Chúng tôi thu nhận tất cả các sản phẩm mà các nhóm đã thực hiện trên lớp, các sản phẩm HS viết lại sau khi được lớp nhận xét, góp ý để đối chiếu kỹ năng viết của NQS với NV. Đồng thời tổ chức cho HS thực hiện các bài viết theo chương trình, các bài viết này được chấm 2 vòng độc lập (chúng tôi và GV dạy lớp) theo đáp án và biểu điểm cụ thể.

## 5. Kết quả thực nghiệm

Các kết quả thu nhận được trong quá trình thực nghiệm đã trả lời câu hỏi nghiên cứu mà chúng tôi đã nêu trong mục 3. Cụ thể là:

### 5.1. Kiến thức về cách viết của học sinh

Như đã trình bày trong phần trên, chúng tôi không cung cấp kiến thức theo kiểu “ăn sẵn” cho HS mà tổ chức các cặp NQS-NV. Trong quá trình QS, NQS không chỉ nhận xét về sản phẩm của NV mà còn học cách viết, rút ra kiến thức về cách viết. Ví dụ dưới đây về cặp NQS số 5 và NV số 1 (lớp tn1, học lực khá) thể hiện điều này. Sau khi quan sát NV, NQS

đã rút ra cách **Tóm tắt văn bản tự sự** gồm 3 bước:

- Bước 1: Đọc kỹ văn bản, xác định nhân vật chính
- Bước 2: Chọn sự việc cơ bản xảy ra với nhân vật chính và diễn biến của các sự việc
- Bước 3: Tóm tắt các sự việc gắn với nhân vật chính.

Cũng ở lớp tn1 khi học bài **Tóm tắt văn bản thuyết minh**, chúng tôi chọn văn bản *Mâm ngũ quả* cho HS tóm tắt. Quan sát NV 1, NQS 5 có nhận xét: *Nhóm bạn xác định đúng đối tượng mâm ngũ quả; Đọc văn bản gốc trước khi tóm tắt; Thảo luận sôi nổi; Bài tóm tắt chưa được mạch lạc, sáng rõ; Có kiểm tra lại nhưng chỉnh sửa còn thiếu (chính tả); Tóm tắt đoạn của từng ý chưa rõ ràng, có tóm tắt ý chính nhưng chưa thể hiện được sâu cho lắm.* Đồng thời NQS đã rút ra cách tóm tắt văn bản thuyết minh:

- Đọc kỹ văn bản gốc
- Nắm được đối tượng, nội dung thuyết minh
- Sắp xếp các ý theo trật tự của văn bản gốc
- Viết các ý ngắn gọn nhưng phải đầy đủ về đối tượng thuyết minh
- Chỉnh sửa lỗi chính tả sau khi tóm tắt.

Từ bài học **Tóm tắt văn bản tự sự** đến bài học **Tóm tắt văn bản thuyết minh**, qua hai cứ liệu của một cặp NV và NQS, chúng ta có thể thấy rằng những nhận xét và đánh giá của NQS 5 đối với NV 1 có sự tiến bộ. Điều này thể hiện ở những điểm sau:

- NQS nắm được cách tóm tắt một văn bản: “tóm tắt đoạn của từng ý chưa rõ ràng, có tóm tắt ý chính nhưng chưa

thể hiện được sâu cho lắm”. Có nghĩa là HS cho rằng việc tóm tắt văn bản đòi hỏi phải nắm ý chính của từng đoạn, phải chọn lọc ý có tính chất nòng cốt của toàn đoạn và phải thể hiện được trong bản tóm tắt. Những nhận xét trên của HS, theo chúng tôi là rất chính xác.

- NQS đã rút ra khá đầy đủ các bước tóm tắt văn bản thuyết minh so với các bước tóm tắt văn bản tự sự, cụ thể là ngoài các yêu cầu: đọc văn bản gốc, xác định đối tượng, nhóm còn rút ra bước *sắp xếp các ý theo trật tự của văn bản gốc, viết các ý ngắn gọn nhưng phải đầy đủ về đối tượng thuyết minh và chỉnh sửa lỗi chính tả sau khi tóm tắt.*

Ở lớp tn2, chúng tôi đưa ra một văn bản khác lớp tn1 nhằm đảm bảo tính khách quan của việc thực nghiệm, văn bản *Nón*. Cách thức tiến hành cũng giống như lớp tn1. Dưới đây là sản phẩm của một cặp nhóm NV 1 – NQS 5 (học lực giỏi). NQS nhận xét, đánh giá về sản phẩm của NV đồng thời xác định được cách tóm tắt văn bản thuyết minh:

- *Xác định mục đích yêu cầu tóm tắt*
- *Đọc văn bản gốc để nắm vững đối tượng thuyết minh*
- *Tìm bố cục văn bản*
- *Tóm lược các ý để hình thành văn bản tóm tắt.*

Cặp nhóm thứ hai: NV 3- NQS 7 (học lực trung bình), qua quá trình quan sát NV, NQS đã đúc kết được cách tóm tắt gồm 4 bước:

- *Xác định mục đích và yêu cầu tóm tắt*
- *Đọc kỹ văn bản để xác định rõ đối tượng thuyết minh*
- *Tìm bố cục để xác định ý chính rồi tóm tắt văn bản*

- *Kiểm tra lại.*

Qua sản phẩm của hai cặp nhóm giỏi (1-5) và cặp nhóm trung bình (3- 7) của lớp tn2, ta thấy kết quả viết và nhận xét giữa hai cặp nhóm có những điểm tương đồng. Cả hai NQS 5 và 7 đều hướng vào đối tượng, mục đích, yêu cầu, đọc và tìm ý chính theo bố cục của văn bản gốc, quan tâm đến nội dung diễn đạt trong văn bản tóm tắt, khâu đọc lại và chỉnh sửa. Về quy trình tóm tắt văn bản thuyết minh, hai nhóm xác định 4 bước, nhưng nhóm 7 nhập các thao tác tìm bố cục với tóm tắt văn bản và còn đề ra bước *kiểm tra lại.*

Như vậy, mục tiêu quan trọng nhất của các giờ Làm văn là HS phải nắm được kiến thức về cách viết, nói cách khác là các thao tác thực hiện bài viết. Các ví dụ trên chứng minh rằng việc sử dụng PPQS đã giúp HS tự rút ra kiến thức về cách viết khá chính xác bởi vì khi QS, các em đã được giải phóng khỏi *nhệm vụ viết* để tập trung vào việc *học cách viết*. Cũng qua quá trình QS, các em học được điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu mà NV đã mắc phải.

## 5.2. *Kỹ năng viết của học sinh*

Một trong những mục tiêu quan trọng của nghiên cứu này là tìm hiểu tác động của PPQS đối với kỹ năng viết của HS. Các ví dụ sau sẽ chứng minh điều này. Khi dạy bài “Luyện tập đoạn văn thuyết minh” chúng tôi cho các NV lập dàn ý đề bài *Thuyết minh về vùng biển Tân Thành của quê hương Gò Công*, sau đó chọn một luận điểm để viết. Dưới đây là sản phẩm của cặp NV 7 – NQS 3 (học lực trung bình). Nhóm 7 chọn luận điểm: *Tiềm năng kinh tế của biển Tân Thành* và viết như sau: “*Tiềm năng kinh tế của biển*

Tân Thành rất to lớn, với nhiều hải sản phong phú như: nghêu, sò, ốc, hến. Ngoài ra hàng năm biển Tân Thành đón một lượng khách du lịch khá đông trong và ngoài nước. Biển Tân Thành còn có thể khai thác nhiều loại thủy, hải sản để phục vụ cho ngành du lịch và nguồn lợi nhuận cho ngư dân. Khi các du khách đến vùng biển này rất thích thú với phong cảnh xung quanh và hệ thống các nhà hàng vô cùng thoáng mát nằm sát bờ biển”.

NQS đã nhận xét về NV như sau: Đoạn văn hấp dẫn; Có câu chuyển đoạn, tiếp nối được đoạn văn trước đó; Chủ đề của đoạn được thể hiện rõ ràng; Sử dụng PP thuyết minh còn xa xôi chưa hợp lý cho lắm, có hình thức lặp từ; Các câu trong đoạn có tính liên kết với nhau; Đảm bảo tính chặt chẽ và mạch lạc nhưng chưa chuẩn xác hấp dẫn.

Cặp NV 6 – NQS 2 (học lực khá) chọn viết luận điểm: *Vẻ đẹp của biển Tân Thành vào những ngày lễ, Tết*. Nhóm 6 viết: “Vào những ngày lễ, tết ở vùng biển có rất nhiều du khách nơi khác đến tham quan, vui chơi, giải trí sau những ngày làm việc mệt mỏi. Đến đây, chúng ta sẽ nhìn thấy khung cảnh buôn bán tấp nập của người dân xứ biển. Với nhiều loại hải sản: tôm, cua, ốc... và chúng ta còn thấy nhiều quầy quà lưu niệm được làm từ vỏ của những sản vật biển. Đến với vùng biển đầy nắng và gió này, chúng ta vừa có thể hòa mình vào những làn sóng mát mẻ vừa có thể thưởng thức được các món ăn ngon từ các nhà hàng ẩn mình dưới những hàng dương xanh ngắt, trải dài dọc theo bờ biển. Chúng ta còn được chụp ảnh khi đi trên cầu nổi để mang về làm kỷ niệm khi đến vui chơi tại biển Tân

Thành của quê hương Gò Công. Một cảm giác không thể nào quên được đối với các du khách đã đến đây”.

Nhóm QS 2 đã nhận xét như sau về NV 6: Chủ đề của đoạn được thể hiện rõ: vẻ đẹp của biển Tân Thành vào các dịp lễ, tết; Các câu trong đoạn chưa có sự liên kết mạch lạc với nhau (câu cuối); Dùng PP thuyết minh liệt kê hợp lý; Đoạn văn có tính hấp dẫn.

Nhận xét của hai nhóm NQS về NV khá chính xác. Sau đó, NQS 2 đã viết lại bài viết với một chất lượng khác hẳn. Điều này không loại trừ điều kiện của việc viết lại nhưng chúng ta cũng không thể phủ nhận việc NQS đã tự rút ra cho mình kinh nghiệm từ NV. Cụ thể là: “Song song với những tiềm năng về kinh tế biển, ở đây cứ vào những ngày lễ lớn hoặc dịp Tết âm lịch, du khách nhiều nơi đến tham quan, vui chơi, giải trí, đặc biệt là ngắm biển sau những ngày làm việc vất vả, mệt mỏi. Đến đây, du khách sẽ nhìn thấy khung cảnh biển trời mênh mang, gió chướng lồng lộng thổi, cảnh người mua bán các loại hải sản tấp nập. Với nhiều loại hải sản như tôm, ghẹ, cua... du khách có thể thưởng thức những món ăn rất vùng biển dưới những bóng phi lao cao vút như đang thổi sáo trời với gió biển. Gần đây là những quầy hàng nhỏ chưng bày quà lưu niệm được làm từ vỏ của những sản vật biển, trông thật bắt mắt. Đến với vùng biển đầy nắng và gió này, du khách vừa có thể hòa mình vào những làn sóng mát mẻ vừa có thể thưởng thức các loại trái mang hương vị của biển Tân Thành Gò Công như măng cầu tròn, dưa hấu... Để làm kỷ niệm khi đến vui chơi tại biển Tân Thành của quê hương Gò Công, du

khách có thể chụp một số ảnh cặp theo bãi biển hoặc dưới rặng phi lao hay có thể đi ra tận những cái chòi giữ ghê của ngư dân khi nước biển thật cạn và xa bờ. Chắc chắn rằng, một khi đặt chân đến vùng biển này, du khách sẽ có một cảm giác lưu luyến, nhớ thương một “người tình” xứ biển”. NQS 2 đã khắc phục được những điểm yếu của NV, đó là: có câu chuyện đoạn, các câu trong đoạn có sự liên kết mạch lạc, giới thiệu chi tiết quang cảnh vùng biển, sử dụng phương pháp liệt kê, lời văn thể hiện cảm xúc tự hào về quê hương.

Ví dụ trên thể hiện việc HS đã nắm khá vững kỹ năng viết đoạn văn thuyết minh ngay trong giờ học. Kỹ năng này được tiếp tục rèn luyện thông qua bài tập viết lại ở nhà.

Qua quá trình thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy sản phẩm viết của HS ngày

càng tốt hơn. Về nội dung, bài viết của các em bám sát vào yêu cầu của đề bài, về thể loại: đáp ứng được yêu cầu của kiểu văn bản, cách dùng từ, chính tả, viết câu chuẩn mực hơn, các em biết liên kết các ý trong đoạn cũng như liên kết giữa các đoạn. Sản phẩm viết lại của các nhóm tốt hơn so với viết trên lớp. Đặc biệt là ở loại sản phẩm này thì NQS viết tốt hơn NV. Điều này tất yếu dẫn đến kết quả kết quả học tập của HS đã tăng lên so với trước thực nghiệm và so với lớp đối chứng.

### 5.3. Kết quả học tập

Bảng 1 thể hiện kết quả trước thực nghiệm gồm các bài viết số 1, 2 và 3 (HK I) và kết quả sau thực nghiệm gồm các bài viết số 5, số 6 (HK II) của các lớp tn và đc. Các bài viết này do chúng tôi ra đề và cùng chấm với đồng nghiệp để đảm bảo tính khách quan.

**Bảng 1. So sánh sự tiến bộ các lớp thực nghiệm và lớp đối chứng**

	Lớp tn 1	Lớp tn 2	2 Lớp tn	Lớp đc
	T tn và S tn	T tn và S tn	T tn và S tn	T tn và S tn
M	-.7008	-1.5054	-1.1120	-.1894
SD	.99876	.98043	1.06376	.86029
P	.000	.000	.000	.151

Kết quả phân điểm số các bài kiểm tra bằng phần mềm SPSS 11.5 cho thấy:

[1]. *Lớp tn1*: điểm trung bình (M) trước thực nghiệm là 5.4015 và sau thực nghiệm là 6.1023. Như vậy sau thực nghiệm, lớp này có sự thay đổi về kết quả viết:  $M/T\ tn - M/S\ tn = -.7008$ . Chứng tỏ lớp tn1 đã có sự tiến bộ bởi có độ giá trị  $p = .000$  ( $p < 0.5$ ). Tuy vậy độ lệch chuẩn (SD) có tăng từ .82462 lên 1.05146. Vậy trình độ HS lớp tn1 sau khi học viết bằng PPQS có một khoảng

cách biệt.

[2]. *Lớp tn2*: điểm trung bình trước thực nghiệm là 5.6413 và sau thực nghiệm là 7.1467. Như vậy sau thực nghiệm, lớp này cũng có sự thay đổi về kết quả viết:  $M/T\ tn - M/S\ tn = -1.5054$ . Kết quả của phép tính cho biết lớp này đã có sự tiến bộ bởi có độ giá trị  $p = .000$  ( $p < 0.5$ ). Khác với lớp tn1, lớp tn2 có độ lệch chuẩn (SD) theo chiều hướng giảm từ .75438 còn .73039. Chỉ số này cho thấy trình độ HS lớp tn2 sau thực nghiệm



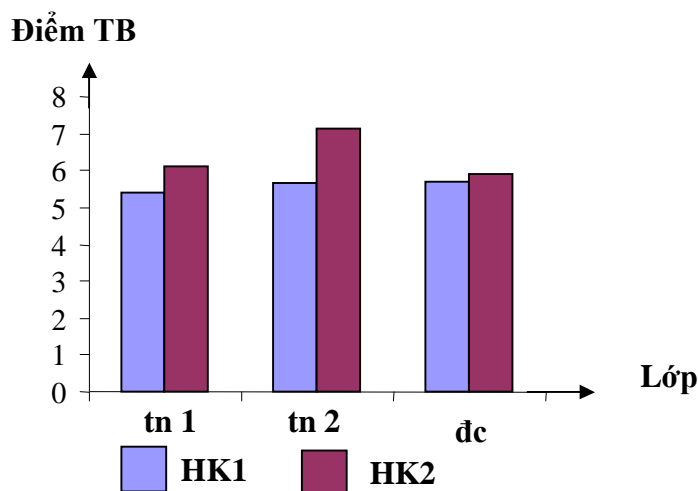
đã có sự rút ngắn khoảng cách rất đáng ghi nhận.

[3]. *Lớp đc*: điểm trung bình trước thực nghiệm: 5.7194 và sau thực nghiệm: 5.9091. Sau thực nghiệm, lớp này đã có sự thay đổi về kết quả viết:  $M/T_{tn} - M/S_{tn} = -.1894$ . Độ lệch chuẩn của lớp đc đã giảm xuống từ .77492 còn .75114 nhưng *độ giá trị*  $p = .151$  ( $p > 0.5$ ). Do vậy, chúng ta có thể kết luận rằng sau thời gian thực nghiệm, lớp đc không có sự tiến bộ như hai lớp tn1 và tn2.

[4]. *Độ lệch chuẩn (SD)*. Độ lệch chuẩn là độ chênh lệch về năng lực của HS trong cùng một lớp học. Bảng 4 cho

thấy năng lực viết của các lớp này vốn có độ chênh từ trước thực nghiệm: lớp tn1 có độ lệch chuẩn cao nhất, lớp tn2 có độ lệch chuẩn thấp hơn lớp tn1 và thấp hơn lớp đc. Sau tn, chúng ta thấy độ lệch chuẩn của lớp tn2 và lớp đc có xu hướng giảm, trong khi đó lớp tn1 lại có xu hướng gia tăng. Như vậy, độ lệch chuẩn thể hiện tính khách quan của thực nghiệm, nghĩa là dạy học viết bằng PPQS có những ưu điểm đồng thời cũng có những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, nó có tính tương đối như bất kỳ PPDH nào khác. Kết quả học tập của lớp đc và tn được thể hiện bằng biểu đồ sau:

**Biểu đồ 1. Kết quả học tập của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau nghiên cứu**



## 6. Kết luận

Quá trình sử dụng PPQS trong dạy viết đã đạt những kết quả tích cực. Cụ thể là:

- Cách học bằng QS kích thích *sự chuyển giao những kỹ năng* mà người QS thu nhận được trong quá trình QS thành *kỹ năng của chính bản thân*. Các họ QS được (tiến trình hiểu và xây dựng kiến thức) giúp họ hiểu và tái xây dựng kiến

thức tích cực.

- HS khám phá kiến thức một cách tích cực, kỹ năng viết được rèn luyện. HS biết lập dàn ý, đánh giá, tự đánh giá các bước thực hiện hoạt động viết cũng như sản phẩm của bạn và của bản thân, sau đó chỉnh sửa, viết lại. Đó chính là *sự tự nhận thức của người học* về hoạt động viết của bản thân. Điều này không chỉ làm cho HS viết tốt hơn mà còn thay đổi cả tâm lý và

ý thức học viết của người học. Trong khi với cách dạy truyền thống, HS rất ít khi lập dàn ý, chỉnh sửa bài viết và hầu như không có hoạt động viết lại.

- Khi trao đổi với các bạn cùng nhóm và khác nhóm, HS được rèn các *kỹ năng xã hội*: diễn đạt, đánh giá, phản hồi, thu nhận phản hồi, sự trung thực, thẳng thắn khi đánh giá.

Qua quá trình thực nghiệm, chúng tôi rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau:

- Luân chuyển vai trò QS và vai trò làm mẫu để tất cả HS đều có cơ hội học hỏi, chia sẻ với nhau về kỹ năng viết và GV có điều kiện nhận rõ sự chuyển biến của người học từ các sản phẩm của HS qua nhiều lần chuyển vai học tập.

- Nhắc nhở nhóm làm mẫu phải trao đổi ý tưởng trong nhóm để giúp NQS nắm bắt được ý tưởng của nhóm làm

mẫu, từ đó NQS mới có thể nhận xét, đánh giá.

- Đánh giá người khác và tự đánh giá là một việc làm mới mẻ với HS do vậy, GV phải xây dựng được tiêu chí đánh giá để giúp các em thực hiện công việc này tốt hơn.

Tóm lại, kết quả thực nghiệm đã khẳng định được tính hiệu quả của PPQS, kiến thức, kỹ năng viết cũng như năng lực phân tích, đánh giá của người học có những tiến bộ đáng kể. Tuy vậy, qua thực nghiệm, chúng tôi thấy rằng còn có những vấn đề khá thú vị cần được tiếp tục nghiên cứu, đó là: có phải lớp có độ lệch chuẩn cao trước nghiên cứu thì không thích hợp với việc học viết bằng PPQS? Hay với những lớp này thì cho dù dùng PPQS hay các PPDH khác không thể làm thay đổi độ lệch chuẩn của lớp?

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Dự án Phát triển giáo dục trung học phổ thông*, Hà Nội.
2. Phan Trọng Luận (chủ biên), Lê A, Bùi Minh Toán, Lã Nhâm Thìn, Hà Bình Trị, Phan Thu Hiền (2006), *Tài liệu BDGV thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10 THPT*, Ngữ văn cơ bản, Hà Nội.
3. Trần Đình Sử (chủ biên), Hồng Dân, Nguyễn Bích Hà, Nguyễn Trọng Hoàn, Nguyễn Đăng Na, Nguyễn Khắc Phi và Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tài liệu BDGV thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10 THPT*, Ngữ văn nâng cao, Hà Nội.
4. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb Giáo dục Đà Nẵng.
5. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học*, Nxb Đại học Sư phạm
6. Braaksma. M.A.H. (2002), *Observational Learning in Argumentative Writing*, University of Amsterdam, Graduate School of Teaching and Learning.
7. Couzijn, M.J. (1995), *Observation of writing and Reading Activities- Effects on Learning and Transfer*.  
[http://scholar.google.com.vn/scholar?q=Observation+of+writing+and+Reading+Activities-Effects+on+Learning+and+Transfer&hl=vi&as\\_sdt=0&as\\_vis=1&oi=scholar](http://scholar.google.com.vn/scholar?q=Observation+of+writing+and+Reading+Activities-Effects+on+Learning+and+Transfer&hl=vi&as_sdt=0&as_vis=1&oi=scholar)

(Xem tiếp trang 129)